



DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHẾ ĐỘ CẤP BÙ HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP
(Kèm theo Quyết định số 4742/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil)

ĐVT: Đồng

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh						2.660.000	
1	Trịnh Gia Thùy	7A7	Thôn Đắc Tâm - Xã Đắc Lao	Trẻ khuyết tật	35.000	4	140.000	
2	Nguyễn Mạnh Cường	8A3	TDP 7 - TT Đắc Mil	Con nạn nhân chất độc da cam	35.000	4	140.000	
3	Nguyễn Bảo Nam Phương	9A2	Bon Bu Đăk - xã Thuận An	Con liệt sĩ	35.000	4	140.000	
4	Dương Nguyễn Thảo Nguyên	9A4	TDP 6 - TT Đắc Mil	Mồ côi	35.000	4	140.000	
5	Đoàn Anh Thư	6A5	TDP 9 - TT Đắc Mil	Hộ nghèo	35.000	4	140.000	
6	Nguyễn Văn Hiếu Hậu	7A5	Thôn Đắc Lộc - xã Đắc Lao	Hộ nghèo	35.000	4	140.000	
7	Nguyễn Phi Long	7A6	Thôn Đắc Quang - xã Đắc Lao	Hộ nghèo	35.000	4	140.000	
8	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	8A5	Thôn Đắc Lộc - xã Đắc Lao	Hộ nghèo	35.000	4	140.000	
9	Ninh Thị Thùy Vân	8A7	Thôn Đắc Kim - xã Đắc Lao	Hộ nghèo	35.000	4	140.000	
10	Nguyễn Văn Được	8A7	Thôn Đắc Thọ - xã Đắc Lao	Hộ nghèo	35.000	4	140.000	
11	Lê Thị Hoài Linh	9A2	Thôn Đắc Thọ - xã Đắc Lao	Hộ nghèo	35.000	4	140.000	
12	Bùi Nữ Như Mỹ	6A3	Thôn Đắc Lộc - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
13	Nguyễn Văn Hoàng	6A4	TDP 6 - TT Đắc Mil	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
14	Tạ Thị Át Phương	6A5	Thôn Tân Lập - xã Đắc Gắn	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
15	Nguyễn Ngọc Tường Vy	6A6	Thôn Thuận Sơn - xã Thuận An	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
16	Nguyễn Thị Trà My	7A5	Thôn Đắc Thủy - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
17	Sơn Nguyễn Ngọc Hà	7A6	Thôn Đắc Thủy - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
18	Trần Thị Tường Vi	7A6	Thôn Đắc Phúc - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
19	Trần Kim Oanh	8A3	Thôn Đắc Lộc - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
20	Bùi Trung Nghĩa	8A4	Thôn Đắc Lộc - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
21	Đỗ Anh Khang	8A5	Thôn Đắc Phúc - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
22	Thạch Trần Phong	8A7	Thôn Đắc Kim - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
23	Đỗ Duy Anh	9A1	Thôn Đắc Phúc - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
24	Nguyễn Ngọc Tri Ân	9A3	Thôn Đắc Lộc - xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
25	Lý Văn Bằng	9A4	TDP 4 - TT Đắc Mil	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
26	Trần Thùy Linh	9A4	Thôn Thuận Sơn - xã Thuận An	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	
27	Nguyễn Mai Hương	9A5	Thôn Đắc Tâm - Xã Đắc Lao	Hộ cận nghèo	17.500	4	70.000	

(Danh sách này có 27 học sinh)